

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/DS-PT

Ngày 28 - 3 - 2019

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1949; cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn D (Đỗ Văn D), sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Chí L, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Phấn K, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Số MKB, đường D, Khóm T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2018).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1970; cư trú tại: Khóm T, Phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Duy Thị Đ, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp B, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

5. Ông Trần Văn K.

6. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Chí N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

7. Ngân hàng N. Trụ sở: Số MT, đường T, phường M, quận T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh T - Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị V.

*(Bà V, ông D, ông K có mặt tại phiên tòa;
các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2018, biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị V trình bày:

Phần đất đang tranh chấp giữa bà Lê Thị V với ông Đỗ Văn D có diện tích khoảng 2.300m², qua đo đạc thực tế là 1.766m². Nguồn gốc phần đất này là do bà V nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S vào ngày 24/10/1990 (âm lịch), có giấy sang bán viết tay. Khi nhận chuyển nhượng đất của ông T, bà S thì họ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông T, bà S, bà V canh tác sử dụng đến năm 1995 bà cũng chưa đăng ký quyền sử dụng đất và bà cho con trai bà là Đỗ Văn D mượn cất nhà ở và sử dụng toàn bộ phần đất. Khi cho ông D mượn đất sử dụng thì giữa bà với ông D không có làm giấy cho mượn hay có ai chứng kiến, chỉ nói miệng giữa bà với ông D và các con bà biết chứ không ai biết hay chứng kiến. Khi đó bà có nói với ông D là chỉ cho ông D mượn sử dụng khi nào không sử dụng thì trả lại cho bà. Ông D chỉ sử dụng đất được một năm thì không sử dụng nữa và trả lại cho bà quản lý sử dụng, bà trồng cây ăn trái và cây lâu năm để lấy gỗ như bạch đàn, trầm Đà Lạt,...

Bà V cho rằng ông D đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất này khi nào bà không hay biết, đến khoảng năm 2001 - 2002, khi ông D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này cho Ngân hàng để vay vốn và ông D không khả năng trả nợ nên Ngân hàng đến nhà đòi nợ, bà cho ông D mượn tiền trả nợ thì bà mới biết. Khi biết ông D đã đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất phần đất này rồi thì bà không có ý kiến gì và chỉ nói với ông D là ông D đã đăng ký quyền sử dụng rồi thì thôi nhưng ông D không được sang bán cho ai, ông D đồng ý.

Đến năm 2012 ông D không hỏi ý bà V mà lén lút chuyển nhượng phần đất này cho ông Ngô Chí L. Khi ông D chỉ ranh đất cho Ngô Chí L để làm thủ tục chuyển nhượng bà mới biết và ngăn cản nhưng không được. Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Văn D trả cho bà phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế là 1.766m². Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Theo bị đơn ông Đỗ Văn D trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa ông Đỗ Văn D với bà Lê Thị V có diện tích khoảng 2.300m², qua đo đạc thực tế là 1.766m². Nguồn gốc đất tranh chấp do ông D mượn của bà Lê Thị V vào năm 1995 cất nhà ở và sử dụng toàn bộ phần đất. Khi ông D mượn đất sử dụng thì giữa ông với bà V không có làm giấy cho mượn hay có ai chứng kiến, chỉ thỏa thuận miệng giữa ông D với bà V và các anh, em ông D biết chứ không ai biết hay chứng kiến. Thời điểm cho mượn đất thì bà V có nói chỉ cho ông D mượn sử dụng, khi nào không sử dụng thì trả lại. Ông D chỉ sử dụng đất được một năm thì không sử dụng nữa và trả lại cho bà V quản lý sử dụng. Sau khi trả đất cho bà V, ông D tự ý đăng ký quyền sử dụng mà không thông báo cho bà V hay, đăng ký quyền sử dụng vào năm nào ông không nhớ và được cấp quyền sử dụng vào năm 1996. Cho đến khoảng năm 2001 - 2002 ông D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này cho Ngân hàng để vay vốn và ông không có khả năng trả nợ nên Ngân hàng đến nhà đòi nợ, khi đó bà V mới biết. Khi biết ông D đã đăng ký và được cấp quyền sử dụng đất phần đất này thì bà V không có ý kiến gì và chỉ nói với ông là ông đã đăng ký quyền sử dụng rồi thì thôi, nhưng ông không được sang bán cho ai, ông D đồng ý. Nhưng đến năm 2012, ông D không hỏi ý bà V mà lén lút bà V chuyển nhượng phần đất này cho ông Ngô Chí L. Khi ông D chỉ ranh đất cho Ngô Chí L để làm thủ tục chuyển nhượng, bà V mới biết và ngăn cản nhưng không được. Sau đó, bà V không đồng ý và kêu ông D khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nhưng không được.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu ông D trả lại cho bà phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 1.766m² thì ông D đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Chí L và bà Nguyễn Thị L (Ngô Chí L với bà L là vợ chồng) trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa bà Lê Thị V với ông Đỗ Văn D có diện tích khoảng 2.300m², qua đo đạc thực tế là 1.766m², đất do Ngô Chí L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất tranh chấp là do Ngô Chí L nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Văn D vào ngày 13/11/2012 với giá 95.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng ông D lại kiện Ngô Chí L yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà với ông D là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật (Bản án số 74/2016/DSPT ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu). Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông D sử dụng đất đến ngày 10/8/2017, bà Lê Thị V mang cây đến trồng và làm hàng rào trên phần đất này, khi Ngô Chí L sử dụng đất thì bà V ngăn cản, từ đó đến nay ông bà không sử dụng được đất. Ngô Chí L và bà L có đốn và nhổ cây của bà V trồng trên đất.

Nay bà V yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của ông D thì Ngô Chí L và bà L không đồng ý vì đất này ông D đã chuyển nhượng cho ông bà và ông bà cũng không đồng ý cho ông D chuộc lại đất. Ngoài ra, ông bà không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà V với ông D là tài sản riêng của ông D vì ông D sử dụng phần đất này trước khi chung sống với bà và bà cũng không hiểu biết gì về phần đất này. Do đó, ông D được toàn quyền quyết định đối với phần đất tranh chấp, bà T không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì đối với phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Duy Thị Đ trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà V với ông D có nguồn gốc là của bà V cho ông D trước năm 1996, khi cho chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ tặng cho. Sau đó ông D có đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cho đất thì bà Đ với ông D có cất nhà ở trên đất này. Sau đó bà Đ và ông D ly hôn nhưng không có ra Tòa án để giải quyết. Từ khi ông bà ly hôn đến nay hơn 10 năm. Đối với phần đất đang tranh chấp là tài sản riêng của ông D nên bà Đ không có ý kiến, yêu cầu hay tranh chấp gì. Nay phần đất này có tranh chấp thì ông D tự quyết định, tôi không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn K: Căn cứ kết quả khảo sát, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định trong diện tích đất tranh chấp có thửa đất số 588, tờ bản đồ số 15, diện tích 93,6m² do ông Trần Văn K đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được ông Trần Văn K đứng tên trên Sổ mục kê thửa đất số 588, tờ bản đồ số 15 là ai, ở đâu. Thực tế cũng không có người tên Trần Văn K quản lý, canh tác, sử dụng diện tích đất 93,6m² tại thửa đất số 588, tờ bản đồ số 15.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xã N thì phần diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Lê Thị V với ông Đỗ Văn D nằm trong thửa số 589, tờ bản đồ số 15 do ông Ngô Chí L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn D và ông Ngô Chí L được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012. Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Chí L tại thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn D tại thửa đất số 589, tờ bản đồ số 15 gồm các loại giấy tờ sau: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, Danh sách các chủ sử dụng đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Biên bản họp hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã N, Tờ trình về việc phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994, Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 29/6/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Với các loại giấy tờ trên, căn cứ Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Thông tư số 302/TT-ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về hướng dẫn thi hành quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn D là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Việc Tòa án nhân dân huyện xem xét, giải quyết thu hồi hay không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Chí L tại thửa đất nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện H không có ý kiến.

Người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày: Sau khi xem xét hồ sơ và các tài liệu có liên quan đối với khoản vay và điều kiện tình hình thực tế, Ngân hàng N không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với ông Ngô Chí L. Tuy nhiên, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, Bạc Liêu đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tranh chấp trên cơ sở vẫn đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện H, Bạc Liêu theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 03/2016/AL được công bố theo quyết định số 220/QĐ- CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị V yêu cầu ông Đỗ Văn D trả lại cho bà phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 1.766m².

2. Ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Đỗ Văn D đồng ý trả lại phần đất tranh chấp cho bà Lê Thị V. Buộc ông Đỗ Văn D trả lại giá trị đất cho bà Lê Thị V số tiền là 95.385.192 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị V. Bà V kháng cáo không đồng ý toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đủ căn cứ xác định đất tranh chấp đã được bà V tặng cho ông D, ông D đã được cấp quyền sử dụng đất hợp pháp, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D và Ngô Chí L phù hợp quy định pháp luật. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, sau khi nghe ý kiến trình bày giữa các đương sự, ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại Đơn khởi kiện, Biên bản lấy lời khai, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà V không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất chỉ yêu cầu đòi lại đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, Ngô Chí L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có yêu cầu phản tố hay bất kỳ yêu cầu gì liên đến tài sản trên đất. Nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị và do phạm vi xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2018 (bút lục 82 - 83) và mảnh trích đo phần đất tranh chấp ngày 30/7/2018 (bút lục 138) thì phần đất tranh chấp có tổng diện tích 1.766m², gồm 02 thửa, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Thửa đất thứ I: Có diện tích 1.610m²

Hướng Đông giáp lộ Bê tông có cạnh dài 48,40m;

Hướng Tây giáp phần đất của ông Ngô Chí L có số đo 47,0m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Ngô Chí L có số đo 26,90m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Đỗ Văn K có số đo 41,10m.

Phần đất này là một phần thửa 589, tờ bản đồ số 15, do ông Ngô Chí L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nằm trong thửa số 588, tờ bản đồ số 15, diện tích 93,6m² do ông Trần Văn K đứng tên trên Sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

- Thửa đất thứ II: Có diện tích 156,0m²

Hướng Đông giáp kênh P có số đo 48,40m;

Hướng Tây giáp lộ Bê Tông có số đo 48,40m;

Hướng Nam giáp phần đất của ông Ngô Chí L có số đo 2,35m;

Hướng Bắc giáp phần đất của ông Đỗ Văn K có số đo 3,25m.

Phần đất này là một phần thửa 589, tờ bản đồ số 15 do ông Ngô Chí L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Theo bà V xác định, phần đất tranh chấp bà V nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S vào ngày 24/10/1990, đến năm 1995 bà V cho con trai bà là ông Đỗ Văn D mượn canh tác, sử dụng và ông D đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996, đến năm 2012 ông D không hỏi ý bà V mà lén lút chuyển nhượng phần đất này cho ông Ngô Chí L. Đối với bị đơn ông D thống nhất với ý kiến trình bày của bà V và đồng ý trả đất cho bà V. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Chí L và vợ là bà Nguyễn Thị L khẳng định Ngô Chí L nhận chuyển nhượng đất từ ông Đỗ Văn D vào ngày 13/11/2012 với giá 95.000.000 đồng, việc chuyển nhượng hoàn toàn hợp pháp.

[5] Hội đồng xét xử xét nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà V nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị S. Tuy bà V và ông D đều cho rằng bà V chỉ cho ông D mượn sử dụng chứ không tặng cho phần đất tranh chấp nhưng căn cứ vào các lời khai của bà V được thu thập trong quá trình cấp sơ thẩm giải quyết vụ án và đã được thẩm tra tại các phiên tòa đủ cơ sở chứng minh bà V biết việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất là để xác lập quyền sử dụng hợp pháp đối với đất và biết ông D đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp nhưng từ khi bà V biết ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay bà V không có khiếu nại hay yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/12/2018 (bút lục 262-268) bà V và ông D đều thống nhất khai nhận ngoài phần đất tranh chấp, bà V còn cho ông D một phần đất nông nghiệp (trồng lúa). So với phần đất đang tranh chấp thì việc cho phần đất trồng lúa về mặt thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất là như nhau (không có văn bản tặng cho, không người chứng kiến) và ông D cũng kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đối với phần đất trồng lúa đó thì bà V không tranh chấp với ông D và bà V xác định tặng cho ông D, không phải cho mượn phần đất trồng lúa đó ông D cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Ngoài ra, căn cứ kết quả làm việc của chính quyền địa phương với bà V (Biên bản tiếp xúc ngày 07/5/2011 - bút lục 253) bà V khai nhận vào năm 1995, chính bà V đi làm quyền sử dụng đất do ông Đỗ Văn D là con ruột đứng tên. Đây là một trong những căn cứ thể hiện ý chí của bà V đã tặng cho ông D diện tích đất tranh chấp nêu trên, không phải chỉ cho mượn đất như ý kiến của bà V và ông D.

[6] Hơn nữa, giữa bà V với ông D có quan hệ mẹ con ruột nên lời khai của bà V và ông D tuy thống nhất cho rằng bà V cho ông D mượn phần đất tranh chấp nói trên vào năm 1995 để sử dụng nhưng sau đó ông D tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và lén lút chuyển nhượng cho ông Ngô Chí L nhưng các lời khai này không đảm bảo tính khách quan, không đủ cơ sở để chấp nhận.

[7] Căn cứ tinh thần Án lệ số 03/2016/AL được công bố theo quyết định số 220/QĐ- CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì việc

bà V giao cho ông D phần đất và ông D đã quản lý, sử dụng diện tích đất đó, khi ông D sử dụng đất thì bà V và những người khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì; ông D đã sử dụng đất công khai, ổn định và đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên phải xác định ông D đã được bà V tặng cho quyền sử dụng đất. Từ những phân tích trên, đủ căn cứ xác định bà V đã tặng cho ông D phần đất tranh chấp.

[8] Đối với giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đỗ Văn D với ông Ngô Chí L, Ủy ban nhân dân huyện H đã khẳng định giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn D và ông Ngô Chí L được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012, Ủy ban xác định căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Chí L tại thửa đất nêu trên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Mặt khác, ngày 09/6/2014 ông Đỗ Văn D đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông D với ông Ngô Chí L vì cho rằng phần đất này ông D mượn của bà V, sau đó ông lén lút chuyển nhượng lại cho Ngô Chí L. Vào ngày 27/5/2016 tại Bản án sơ thẩm số 07/2016/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện H tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D và tại Bản án phúc thẩm số 74/2016/DS-PT ngày 24/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Như vậy, có đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp bà V đã cho ông D, ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp sau đó ông D chuyển nhượng lại cho Ngô Chí L theo đúng quy định của pháp luật, vì vậy, đối với yêu cầu của bà Lê Thị V yêu cầu ông Đỗ Văn D trả lại cho bà phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 1766m² là không có cơ sở chấp nhận. Cấp sơ thẩm đã thu thập, phân tích, đánh giá chứng cứ đầy đủ, đúng quy định pháp luật, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà V.

[10] Xét ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của bà V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[11] Về án phí: Buộc bà Lê Thị V phải chịu theo quy định pháp luật. Nhưng bà V sinh năm 1949, đến nay bà hơn 60 tuổi nên thuộc diện người cao tuổi và bà có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Do đó, cần chấp nhận đề nghị này của bà, miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Lê Thị V.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số 03/2016/AL được công bố theo quyết định số 220/QĐ- CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị V yêu cầu ông Đỗ Văn D trả lại cho bà phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 1.766m² tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ghi nhận ý chí tự nguyện của ông Đỗ Văn D đồng ý trả lại phần đất tranh chấp cho bà Lê Thị V. Buộc ông Đỗ Văn D trả lại giá trị đất cho bà Lê Thị V số tiền là 95.385.192 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng 1.150.000 đồng. Bà Lê Thị V đã nộp đủ số tiền 1.150.000 đồng và đã chi phí hết không được hoàn lại.

4. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà Lê Thị V. Bà Lê Thị V đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0005579 ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ 2.000.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (09 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt